

Bản án số: 91/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Là

2. Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị D, sinh ngày 13/7/1993, căn cước công dân số 031193007726; nơi cư trú: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/3/1995, căn cước công dân số 031095007923; nơi thường trú: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng, hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Đào Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn số 36/2016 tại UBND xã T, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng vào ngày 06/9/2016. Sau ngày cưới hai bên về chung sống tại xã T, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự thông cảm chia sẻ với nhau. Anh L

nghiện ma túy không chịu làm ăn dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn. Chị và gia đình đã khuyên bảo cho anh L đi cai nghiện nhiều lần nhưng không thay đổi. Hiện anh L đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1, Hải Phòng. Do tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ vợ chồng, sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/6/2017; Nguyễn Nhật Kim A, sinh ngày 22/03/2020. Đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn. Cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị làm công nhân có thu nhập để nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Đào Thị D kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con. Tháng 7 năm 2024, anh bị đưa đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hải Phòng để cai nghiện bắt buộc cho đến nay. Việc chị D xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị Đào Thị D.

Về con chung: Anh và chị Đào Thị D có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/6/2017; Nguyễn Nhật Kim A, sinh ngày 22/03/2020. Ly hôn, do anh không muốn hai con phải xa nhau nên anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị D yêu cầu nuôi hai con chung sau ly hôn anh không đồng ý.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Đào Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/6/2017; Nguyễn Nhật Kim A, sinh ngày 22/03/2020 cho chị Đào Thị D nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đào Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Đào Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú: Xã A, thành phố Hải Phòng, chị D và anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng vào năm 2016. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tổ tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị D và anh T vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Đào Thị D và anh Nguyễn Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị D, anh L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, anh L nghiện ma túy. Quá trình giải quyết vụ án, chị D, anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Đào Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[4] Về con chung: Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/6/2017; Nguyễn Nhật Kim A, sinh ngày 22/03/2020. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh L có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Chị D và anh L đều có quan điểm được nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Minh H, Nguyễn Nhật Kim A sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung hiện anh L đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, con chung Nguyễn Minh H có nguyện vọng ở với chị D. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các con chung giao hai con chung Nguyễn Minh H và Nguyễn Nhật Kim A cho chị D nuôi dưỡng sau ly hôn là có căn cứ. Quan điểm về việc nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn anh L đưa ra không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Đào Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
2. Về con chung: Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/6/2017; Nguyễn Nhật Kim A, sinh ngày 22/03/2020. Giao con chung Nguyễn Minh H và Nguyễn Nhật Kim A cho chị Đào Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Đào Thị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị D đã nộp (biên lai thu tiền số 0002434 ngày 06 tháng 3 năm 2026) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đào Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Tân Viên, huyện An Lão (nay là xã An Khánh, ĐKKH số 36/2016);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương